

Số: /TTr-LNKL

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
Dự thảo Thông tư Quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp
và các biện pháp lâm sinh

Kính gửi:

- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng;
- Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; Quyết định số 1818/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về bổ sung Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2026, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đã tổ chức xây dựng hồ sơ dự thảo Thông tư quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và các biện pháp lâm sinh (sau đây gọi là dự thảo Thông tư).

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm kính trình Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách xem xét dự thảo Thông tư với các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Việc xây dựng Thông tư nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; đồng thời khắc phục các quy định phân tán, chồng chéo hoặc không còn phù hợp trong quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, thực hiện các biện pháp lâm sinh và nghiệm thu công trình lâm sinh.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định và dễ tiếp cận; gắn xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số trong hoạt động quản lý nhà nước. Đối với lĩnh vực lâm nghiệp, yêu cầu này đặt ra nhiệm vụ hoàn thiện quy định về quản lý dữ liệu giống, truy xuất nguồn gốc, hồ sơ điện tử, thiết kế và nghiệm thu công trình lâm sinh theo hướng minh bạch, thuận lợi và có khả năng tích hợp với cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, bảo đảm pháp luật vừa là công cụ quản lý nhà nước, vừa kiến tạo phát triển; kịp thời xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.

Các kết luận, nghị quyết về tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong năm 2026 tiếp tục yêu cầu các bộ, ngành rà soát toàn diện văn bản thuộc phạm vi quản lý, kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ quy định không còn phù hợp. Trên cơ sở đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã đưa nhiệm vụ xây dựng Thông tư vào Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026.

Việc ban hành một Thông tư thống nhất, tích hợp các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, các biện pháp lâm sinh và nghiệm thu công trình lâm sinh phù hợp với chủ trương tinh gọn hệ thống văn bản, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý, chủ rừng, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong tra cứu, áp dụng.

b) Cơ sở pháp lý

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15, quy định nguyên tắc quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng; phát triển giống cây trồng lâm nghiệp; các biện pháp lâm sinh; thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong quản lý chuyên ngành lâm nghiệp. Đây là căn cứ pháp lý trực tiếp để quy định chi tiết, hướng dẫn các nội dung thuộc phạm vi dự thảo Thông tư.

Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao Bộ thực hiện quản lý nhà nước về lâm nghiệp và ban hành thông tư thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền.

Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp đã quy định về lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán và quản lý một số hoạt động đầu tư trong lâm nghiệp. Việc ban hành Nghị định làm thay đổi căn bản phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT; một số nội dung của Thông tư này đã hết hiệu lực hoặc được thay thế, đòi hỏi phải rà soát, bãi bỏ và hệ thống hóa các quy định còn phù hợp.

Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 đã sửa đổi, bổ sung phần lớn quy định về nghiệm thu công trình lâm sinh, bảo vệ rừng và trồng cây phân tán. Tuy nhiên, quy định sau sửa đổi vẫn nằm rải rác tại nhiều văn bản, nhiều phụ lục và có một số tiêu chí chưa đồng bộ với quy định kỹ thuật về biện pháp lâm sinh. Vì vậy, cần tích hợp các quy định về nghiệm thu trong Thông tư mới để bảo đảm thống nhất và thuận lợi khi thực hiện.

Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và một số biện pháp lâm sinh. Qua thời gian triển khai và tổng kết tại địa phương, một số tình huống thực tiễn chưa được quy định đầy đủ, như quản lý vật liệu giống từ nguồn giống thuộc rừng tự nhiên, thời hạn sử dụng vật liệu giống, hồ sơ chứng minh nguồn gốc trong trường hợp không phải lập hóa đơn, hộ gia đình tự sản xuất giống để tự sử dụng và thủ tục nội bộ về xuất khẩu, nhập khẩu giống đối với đơn vị trực thuộc Bộ.

Dự thảo Thông tư được xây dựng trong phạm vi thẩm quyền của Bộ trưởng; không quy định lại nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; không đặt ra điều kiện đầu tư kinh doanh hoặc thủ tục hành chính mới khi chưa có căn cứ pháp luật; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của hệ thống pháp luật.

2. Cơ sở thực tiễn

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Văn bản số 4954/BNNMT-LNKL về việc tổng kết, đánh giá thực hiện các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm. Tính đến ngày 20 tháng 7 năm 2026, Bộ đã nhận được báo cáo của 26 địa phương. Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đã tổng hợp, phân tích các kiến nghị; chỉ lựa chọn những nội dung có căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn, phù hợp thẩm quyền và được thể hiện trong dự thảo Thông tư.

a) Về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

Thứ nhất, quy định hiện hành đã xác định lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyên hóa và cây trội có thể có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhưng chưa quy định đầy đủ việc quản lý, chăm sóc, bảo vệ và thu hái vật liệu giống sau khi nguồn giống được công nhận. Khoảng trống này gây lúng túng cho chủ rừng và cơ quan quản lý, đặc biệt đối với nguồn giống thuộc rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Dự thảo bổ sung nguyên tắc thu hái không làm thay đổi mục đích sử dụng rừng, không ảnh hưởng chức năng của rừng, khả năng sinh trưởng, tái sinh và chất lượng nguồn giống.

Thứ hai, quy định hiện hành mới xác định thời hạn công nhận, sử dụng nguồn giống nhưng chưa quy định thời hạn sử dụng đối với hạt giống, hom, cành ghép, mắt ghép và các vật liệu nhân giống khác. Chất lượng vật liệu giống phụ thuộc vào đặc điểm sinh học của loài, thời điểm thu hái, điều kiện bảo quản và thời gian lưu giữ. Dự thảo bổ sung nguyên tắc xác định thời hạn sử dụng theo tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật hoặc kết quả kiểm tra chất lượng lô vật liệu giống; yêu cầu cung cấp thông tin về ngày thu hái, điều kiện bảo quản và thời hạn sử dụng.

Thứ ba, quy định hồ sơ nguồn gốc có nội dung yêu cầu hóa đơn bán hàng trong mọi trường hợp, trong khi một số giao dịch của hộ gia đình, cá nhân không thuộc trường hợp phải lập hóa đơn theo pháp luật về thuế, hóa đơn, chứng từ. Dự thảo sửa theo hướng cho phép sử dụng hợp đồng, biên bản giao nhận, phiếu xuất kho hoặc tài liệu hợp pháp khác để chứng minh giao dịch và nguồn gốc vật liệu giống, nhưng không làm giảm trách nhiệm truy xuất nguồn gốc và chất lượng.

Thứ tư, tại nhiều địa phương phát sinh trường hợp hộ gia đình tự thu hái hạt, tự sản xuất cây giống để trồng trên diện tích thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình, không nhằm mục đích kinh doanh và không đưa giống ra lưu thông. Dự thảo phân định trường hợp tự sản xuất để tự sử dụng với hoạt động sản xuất, kinh doanh giống; miễn một số yêu cầu hồ sơ không cần thiết, đồng thời quy định rõ trách nhiệm khi bán, trao đổi, cung cấp giống cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng trong chương trình, dự án có vốn nhà nước.

Thứ năm, thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm thực hiện chỉ áp dụng đối với tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Dự thảo chuyển thủ tục này thành thủ tục hành chính nội bộ, phù hợp với bản chất quan hệ giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và yêu cầu cải cách thủ tục hành chính.

b) Về các biện pháp lâm sinh

Thứ nhất, quy định về chăm sóc rừng được bố trí thành điều riêng, trong khi chăm sóc là bộ phận gắn liền với từng biện pháp trồng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Cách bố trí hiện hành làm phát sinh nhiều dẫn chiếu và chưa thuận lợi khi áp dụng. Dự thảo tích hợp quy định chăm sóc vào các điều về trồng rừng tương ứng, bảo đảm quy định đầy đủ từ chuẩn bị hiện trường, trồng, chăm sóc, trồng bổ sung đến yêu cầu kết thúc đầu tư.

Thứ hai, quy định hiện hành chủ yếu cho phép xử lý thực bì theo băng hoặc theo đám đối với trồng rừng đặc dụng, chưa quy định rõ trường hợp phát dọn toàn diện trên đất chưa có rừng có cỏ tranh, lau lách hoặc cây bụi thấp. Dự thảo bổ sung hình thức phát dọn toàn diện có điều kiện; yêu cầu chừa lại cây gỗ bản địa, cây tái sinh mục đích, loài cần bảo tồn và áp dụng biện pháp chống xói mòn, bảo vệ đất.

Thứ ba, thực tiễn có trường hợp cây trồng bị chết do thiên tai, khí hậu khắc nghiệt hoặc lập địa đặc biệt sau năm thứ nhất, nhất là đối với loài sinh trưởng chậm. Dự thảo cho phép tiếp tục chăm sóc, trồng bổ sung trong năm thứ hai, năm thứ ba theo thiết kế hoặc điều chỉnh thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không áp dụng máy móc đối với lâm phần đã khép tán hoặc trường hợp trồng bổ sung không còn hiệu quả.

Thứ tư, điều kiện đất đai, khí hậu, địa hình và loài cây giữa các vùng sinh thái khác nhau; một số quy định kỹ thuật hiện hành còn cứng, chưa tạo đủ cơ sở để áp dụng hướng dẫn kỹ thuật của từng loài hoặc biện pháp mới theo thiết kế. Dự thảo bổ sung cơ chế áp dụng biện pháp kỹ thuật theo hướng dẫn kỹ thuật đối

với từng loài hoặc theo thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, với điều kiện bảo đảm mục tiêu đầu tư, chức năng của loại rừng và tiêu chí thành rừng.

c) Về quản lý đầu tư công trình lâm sinh và nghiệm thu

Thứ nhất, sau khi Nghị định số 58/2024/NĐ-CP và Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT được ban hành, phần lớn nội dung của Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT đã hết hiệu lực hoặc được thay thế. Việc tiếp tục duy trì văn bản có phạm vi điều chỉnh bị thu hẹp đáng kể gây khó khăn cho tra cứu. Dự thảo quy định bãi bỏ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT và kế thừa nội dung nghiệm thu còn phù hợp.

Thứ hai, các chỉ tiêu, phương pháp và biểu mẫu nghiệm thu có tính kỹ thuật chi tiết nhưng đang nằm tại nhiều điều, khoản và phụ lục. Dự thảo quy định nguyên tắc, trách nhiệm, thời điểm nghiệm thu trong phần điều khoản; tập trung chỉ tiêu, phương pháp và biểu mẫu tại các phụ lục để thuận lợi áp dụng và cập nhật.

Thứ ba, một số tiêu chí nghiệm thu về mật độ, tỷ lệ sống và tiêu chuẩn thành rừng chưa thống nhất với quy định kỹ thuật của từng biện pháp lâm sinh. Dự thảo rà soát đồng bộ tiêu chí nghiệm thu với mật độ, cơ cấu loài cây và yêu cầu kỹ thuật; phân biệt nghiệm thu khối lượng, chất lượng thực hiện với việc xác định lâm phần đạt tiêu chí thành rừng.

Thứ tư, thành phần tham gia nghiệm thu tại một số trường hợp chưa phân định rõ trách nhiệm giữa chủ đầu tư, đơn vị thi công, tư vấn giám sát và cơ quan phối hợp. Dự thảo điều chỉnh theo hướng chủ đầu tư, đơn vị thi công và tư vấn giám sát chịu trách nhiệm trực tiếp; cơ quan cấp xã, kiểm lâm địa bàn tham gia phối hợp, chứng kiến hoặc xác nhận khi cần thiết, tránh làm phát sinh trách nhiệm thay cho chủ đầu tư.

Từ các căn cứ nêu trên, việc ban hành Thông tư là cần thiết nhằm hợp nhất, hệ thống hóa quy định hiện hành; khắc phục những hạn chế, bất cập đã được tổng kết; bảo đảm thống nhất với Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 58/2024/NĐ-CP và pháp luật có liên quan; đồng thời nâng cao tính minh bạch, khả thi và giảm chi phí tuân thủ trong lĩnh vực lâm nghiệp.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Mục đích ban hành Thông tư

- Hệ thống hóa, hợp nhất các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, các biện pháp lâm sinh và nghiệm thu công trình lâm sinh trong một văn bản thống nhất, thuận lợi cho tra cứu và áp dụng.

- Cụ thể hóa đầy đủ, đúng thẩm quyền các quy định của Luật Lâm nghiệp và bảo đảm thống nhất với Nghị định số 58/2024/NĐ-CP, pháp luật về thuế, hóa đơn, chứng từ và thủ tục hành chính.

- Khắc phục những khó khăn, vướng mắc đã được tổng kết; hoàn thiện cơ chế quản lý nguồn giống thuộc rừng tự nhiên, vật liệu giống, hồ sơ nguồn gốc và trường hợp hộ gia đình tự sản xuất giống để tự sử dụng.

- Hoàn thiện các biện pháp lâm sinh theo hướng khoa học, linh hoạt, phù hợp điều kiện lập địa, đặc điểm loài cây và chức năng từng loại rừng; tạo cơ sở áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong thiết kế được phê duyệt.

- Hoàn thiện quy định nghiệm thu công trình lâm sinh theo hướng rõ trách nhiệm, thống nhất tiêu chí kỹ thuật, giảm trùng lặp hồ sơ và tạo thuận lợi cho quản lý, thanh toán, quyết toán.

- Cải cách thủ tục hành chính, chuyển thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu giống đối với đơn vị trực thuộc Bộ thành thủ tục hành chính nội bộ; thúc đẩy ứng dụng hồ sơ điện tử, dữ liệu số và truy xuất nguồn gốc.

2. Quan điểm xây dựng Thông tư

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng; tuân thủ Hiến pháp, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Quy định đúng phạm vi thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; không đặt ra điều kiện đầu tư kinh doanh, thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính hoặc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi chưa có căn cứ pháp luật.

- Kế thừa tối đa các quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm và còn phù hợp; chỉ sửa đổi, bổ sung nội dung có vướng mắc, không còn phù hợp hoặc cần hệ thống hóa; hạn chế xáo trộn không cần thiết trong tổ chức thực hiện.

- Bảo đảm quản lý chặt chẽ nguồn gốc và chất lượng giống nhưng đồng thời tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh hợp pháp và hộ gia đình tự sản xuất giống để tự sử dụng; quản lý theo mức độ rủi ro và trách nhiệm của chủ thể.

- Bảo đảm các biện pháp lâm sinh dựa trên cơ sở khoa học, phù hợp điều kiện sinh thái, lập địa và mục tiêu sử dụng rừng; kết hợp quy định thống nhất với cơ chế linh hoạt thông qua hướng dẫn kỹ thuật và thiết kế được phê duyệt.

- Bảo đảm thống nhất giữa quy định kỹ thuật, thiết kế, thi công và nghiệm thu; phân định rõ nghiệm thu khối lượng, chất lượng thực hiện với đánh giá tiêu chí thành rừng; xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, đơn giản hóa hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ; bảo đảm quy định rõ ràng, minh bạch, dễ tiếp cận và có khả năng tổ chức thực hiện bằng nguồn lực hiện có.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Dự thảo Thông tư được xây dựng theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, Quy chế xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026. Quá trình xây dựng gồm các bước sau:

- Tổ chức tổng kết, đánh giá việc thi hành các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, các biện pháp lâm sinh và nghiệm thu công trình lâm sinh

báo cáo số 2130/BC-LNKL ngày 23/7/2026 (văn bản Cục Lâm nghiệp Kiểm lâm đề nghị các đại phương đánh giá số 4954/BNNMT-LNKL ngày 18/5/2026) tổng hợp báo cáo của 26 địa phương và rà soát văn bản hiện hành.

- Thành lập Tổ soạn thảo theo Quyết định số 2678/QĐ-BNNMT ngày 16 tháng 7 năm 2026; xây dựng đề cương, dự thảo Thông tư, phụ lục, dự thảo Tờ trình, Báo cáo tổng kết thi hành và các tài liệu trong hồ sơ.

- Tổ chức các cuộc họp chuyên môn, kỹ thuật trong Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ để rà soát thẩm quyền, thủ tục hành chính, tiêu chuẩn kỹ thuật, điều khoản bãi bỏ và chuyển tiếp.

- Đối chiếu từng kiến nghị của địa phương với Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 58/2024/NĐ-CP và pháp luật có liên quan; chỉ tiếp thu nội dung có căn cứ, phù hợp thẩm quyền và bảo đảm tính khả thi; không tiếp thu các kiến nghị có thể làm giảm tiêu chí bảo vệ rừng, chất lượng giống hoặc phát sinh điều kiện, thủ tục không cần thiết.

- Đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử; gửi lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định. Nội dung, số lượng văn bản góp ý và kết quả tiếp thu, giải trình sẽ được cập nhật sau khi kết thúc thời hạn lấy ý kiến.

- Thực hiện rà soát thủ tục hành chính, rà soát tính tương thích với điều ước quốc tế, rà soát chủ trương của Đảng và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; hoàn thiện bảng so sánh, thuyết minh nội dung kế thừa, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ.

- Gửi hồ sơ đề nghị Vụ Pháp chế thẩm định; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; báo cáo Thứ trưởng phụ trách và hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng xem xét, ký ban hành.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Dự thảo Thông tư quy định ba nhóm nội dung:

- Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, gồm bảo tồn nguồn gen; chọn, tạo, khảo nghiệm, trồng thử nghiệm, công nhận giống và nguồn giống; lưu giữ, sản xuất, cung ứng, phục tráng giống gốc; quản lý chất lượng, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu giống; danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính.

- Các biện pháp lâm sinh, gồm khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung; nuôi dưỡng, làm giàu, cải tạo rừng tự nhiên; trồng mới, trồng lại và nuôi dưỡng rừng trồng.

- Nghiệm thu kết quả hoạt động đầu tư, hỗ trợ đầu tư về trồng rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, làm giàu, cải tạo rừng tự nhiên; bảo vệ rừng và trồng cây phân tán.

b) Đối tượng áp dụng

Thông tư áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, thực hiện các biện pháp lâm sinh và nghiệm thu các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh.

2. Bộ cục dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư gồm 04 Chương, 23 Điều và 04 Phụ lục, cụ thể như sau:

- Chương I - Quy định chung, gồm 03 Điều: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ.

- Chương II - Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, gồm 06 Điều: nguyên tắc quản lý; bảo tồn nguồn gen, lưu giữ, sản xuất, cung ứng và phục tráng giống gốc; nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm, trồng thử nghiệm, công nhận giống và nguồn giống; quản lý chất lượng, sản xuất, kinh doanh; danh mục loài và giống cây trồng lâm nghiệp chính; xuất khẩu, nhập khẩu giống.

- Chương III - Các biện pháp lâm sinh, nghiệm thu công trình lâm sinh, bảo vệ rừng và trồng cây phân tán, gồm 11 Điều, chia thành 02 Mục: Mục 1 quy định khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên và khoanh nuôi có trồng bổ sung; Mục 2 quy định nuôi dưỡng, làm giàu, cải tạo rừng tự nhiên, trồng mới rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất, trồng lại rừng, nuôi dưỡng rừng trồng và nghiệm thu.

- Chương IV - Tổ chức thực hiện, gồm 03 Điều: trách nhiệm thi hành; điều khoản thi hành; quy định chuyển tiếp.

- 04 Phụ lục gồm: các mẫu về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; mã số nguồn giống; danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; nghiệm thu công trình lâm sinh, bảo vệ rừng và trồng cây phân tán.

3. Nội dung cơ bản và những điểm mới của dự thảo Thông tư

a) Chương I. Quy định chung

Chương I quy định rõ phạm vi điều chỉnh theo ba nhóm nội dung nêu trên; xác định đối tượng áp dụng; hệ thống hóa và chuẩn hóa các thuật ngữ chuyên ngành về giống, nguồn giống, vật liệu nhân giống, biện pháp lâm sinh, rừng trồng gỗ lớn, cây mục đích, cây phù trợ và các khái niệm sử dụng trong nghiệm thu. Việc giải thích từ ngữ nhằm bảo đảm cách hiểu thống nhất, hạn chế lặp lại trong các điều khoản chuyên môn.

b) Chương II. Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

Chương II kế thừa các quy định còn phù hợp tại Mục 1 Chương II Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT, đồng thời chỉnh lý, bổ sung các nội dung sau:

b.1) Bảo tồn nguồn gen, lưu giữ, sản xuất, cung ứng và phục tráng giống gốc

Dự thảo hệ thống hóa hình thức bảo tồn tại chỗ và chuyển chỗ; quy định trách nhiệm quản lý, theo dõi, lưu giữ giống gốc; yêu cầu cơ sở vật chất, quy trình kỹ thuật phù hợp với đặc điểm sinh học và phương pháp nhân giống; quy định phục tráng nhằm duy trì đặc tính di truyền, chất lượng của giống.

b.2) Công nhận giống và nguồn giống

Dự thảo kế thừa trình tự, thủ tục công nhận giống, nguồn giống và thẩm quyền hiện hành; chuẩn hóa hồ sơ, biểu mẫu và mã số nguồn giống. Đối với nguồn giống thuộc rừng tự nhiên, dự thảo bổ sung nguyên tắc quản lý, chăm sóc, bảo vệ và thu hái vật liệu giống; việc công nhận nguồn giống không làm thay đổi loại rừng, chủ rừng hoặc chế độ quản lý; hoạt động thu hái phải phù hợp phương án quản lý rừng và không làm suy giảm chức năng của rừng.

b.3) Quản lý chất lượng, sản xuất và kinh doanh giống

Dự thảo quy định trách nhiệm công bố tiêu chuẩn áp dụng, ghi nhãn, lập và lưu giữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc. Bổ sung nguyên tắc xác định thời hạn sử dụng vật liệu giống theo tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật hoặc kết quả kiểm tra chất lượng; yêu cầu ghi ngày thu hái, điều kiện bảo quản, thời hạn sử dụng hoặc thời điểm kiểm tra lại.

Đối với hồ sơ giao dịch, trường hợp pháp luật về thuế, hóa đơn, chứng từ không yêu cầu lập hóa đơn, tổ chức, cá nhân được sử dụng hợp đồng, biên bản giao nhận, phiếu xuất kho hoặc tài liệu hợp pháp khác để chứng minh giao dịch và nguồn gốc vật liệu giống. Quy định này tháo gỡ vướng mắc nhưng vẫn bảo đảm truy xuất nguồn gốc.

Đối với hộ gia đình tự thu hái hạt, tự sản xuất cây giống để trồng trên diện tích thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình, không nhằm mục đích kinh doanh và không cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác, dự thảo miễn một số yêu cầu hồ sơ. Khi giống được bán, trao đổi, cung cấp hoặc sử dụng trong chương trình, dự án có vốn nhà nước thì phải thực hiện đầy đủ quy định về nguồn gốc, chất lượng và hồ sơ.

b.4) Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính

Dự thảo kế thừa tiêu chí xác định và danh mục hiện hành; rà soát tên Việt Nam, tên khoa học, mã số và nguyên tắc cập nhật. Việc bổ sung, loại bỏ loài khỏi danh mục phải dựa trên mức độ phổ biến, vai trò kinh tế, môi trường và yêu cầu quản lý chất lượng giống, không chỉ căn cứ vào mật độ trồng của một loại rừng cụ thể.

b.5) Xuất khẩu, nhập khẩu giống

Dự thảo kế thừa điều kiện, thành phần hồ sơ và yêu cầu kỹ thuật; chuyển thủ tục do Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm giải quyết đối với đơn vị trực thuộc Bộ thành thủ tục hành chính nội bộ. Việc chuyển đổi không làm giảm yêu cầu kiểm soát nguồn gen, kiểm dịch thực vật và pháp luật có liên quan.

c) Chương III. Các biện pháp lâm sinh và nghiệm thu

Chương III kế thừa các nội dung còn phù hợp tại Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT, Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT, Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT và Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT; đồng thời hệ thống hóa và sửa đổi các nội dung chủ yếu sau:

c.1) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, nuôi dưỡng, làm giàu và cải tạo rừng tự nhiên

Dự thảo quy định rõ đối tượng, điều kiện áp dụng và biện pháp kỹ thuật; giữ nguyên các ngưỡng, tiêu chí đã có cơ sở khoa học và thực tiễn, không tiếp thu những đề xuất có nguy cơ làm giảm khả năng phục hồi hoặc tiêu chí thành rừng. Việc tác động vào rừng tự nhiên phải tuân thủ loại rừng, mục tiêu quản lý, phương án được phê duyệt và quy định bảo tồn đa dạng sinh học.

c.2) Trồng mới rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất

Dự thảo tích hợp nội dung chăm sóc vào từng điều về trồng rừng, giúp mỗi điều quy định đầy đủ quá trình kỹ thuật. Đối với trồng rừng đặc dụng trên diện tích đất chưa có rừng có cỏ tranh, lau lách hoặc cây bụi thấp, cho phép phát dọn thực bì toàn diện khi phù hợp thiết kế; phải chừa cây gỗ bản địa, cây tái sinh mục đích, loài cần bảo tồn và thực hiện biện pháp bảo vệ đất.

Dự thảo bổ sung trường hợp cây chết do thiên tai, khí hậu khắc nghiệt hoặc lập địa đặc biệt thì được tiếp tục chăm sóc, trồng bổ sung trong năm thứ hai, năm thứ ba theo thiết kế hoặc điều chỉnh thiết kế được phê duyệt. Việc áp dụng phải căn cứ đặc điểm loài, tình trạng khép tán và hiệu quả kỹ thuật.

Các biện pháp kỹ thuật cụ thể khác được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật của từng loài hoặc theo thiết kế kỹ thuật phù hợp điều kiện lập địa đặc thù được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kết quả phải bảo đảm mục tiêu đầu tư, chức năng của loại rừng và tiêu chí thành rừng theo pháp luật.

c.3) Trồng lại và nuôi dưỡng rừng trồng

Dự thảo rà soát đối tượng trồng lại rừng, biện pháp xử lý hiện trường, lựa chọn loài, mật độ và chăm sóc; sửa các dẫn chiếu để thống nhất với kết cấu mới. Quy định nuôi dưỡng rừng trồng tiếp tục hướng đến nâng cao năng suất, chất lượng, chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn và phát triển rừng bền vững.

c.4) Nghiệm thu công trình lâm sinh, bảo vệ rừng và trồng cây phân tán

Dự thảo bãi bỏ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT; quy định nguyên tắc, trách nhiệm, thời điểm và hồ sơ nghiệm thu trong điều khoản; chuyển chỉ tiêu, phương pháp và biểu mẫu nghiệm thu sang phụ lục. Cách bố trí này giúp văn bản rõ ràng, hạn chế lặp lại và thuận lợi cập nhật nội dung kỹ thuật.

Các tiêu chí nghiệm thu được rà soát thống nhất với quy định kỹ thuật, nhất là mật độ, tỷ lệ sống, chất lượng cây trồng và tiêu chí thành rừng. Dự thảo phân biệt nghiệm thu khối lượng, chất lượng hạng mục với đánh giá lâm phần đạt tiêu chí thành rừng, tránh sử dụng một chỉ tiêu cho các mục đích pháp lý khác nhau.

Thành phần nghiệm thu được điều chỉnh theo hướng chủ đầu tư, đơn vị thi công và tư vấn giám sát chịu trách nhiệm trực tiếp; đại diện chính quyền cơ sở, kiểm lâm địa bàn hoặc cơ quan khác tham gia phối hợp, chứng kiến khi cần thiết. Dự thảo tạo cơ sở sử dụng bản đồ số, tọa độ, ảnh hiện trường, hồ sơ điện tử và phương pháp kiểm tra mẫu đại diện theo phụ lục.

d) Chương IV. Tổ chức thực hiện

Dự thảo quy định trách nhiệm của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp và tổ chức, cá nhân có liên quan; quy định hiệu lực thi hành, danh mục văn bản, điều, khoản hết hiệu lực và cơ chế xử lý chuyển tiếp.

Dự thảo dự kiến bãi bỏ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT; các nội dung tương ứng tại Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT và Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT đã được tích hợp vào Thông tư mới. Phạm vi bãi bỏ sẽ tiếp tục được rà soát chính xác đến điều, khoản để tránh khoảng trống pháp lý.

Quy định chuyển tiếp bảo đảm hồ sơ đã được tiếp nhận trước ngày Thông tư có hiệu lực được tiếp tục giải quyết theo pháp luật tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị áp dụng quy định mới; quyết định công nhận, giấy phép và kết quả thủ tục hành chính đã cấp tiếp tục có giá trị đến hết thời hạn ghi trên văn bản.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH VÀ THỜI GIAN BAN HÀNH

1. Tính tương thích với điều ước quốc tế

Dự thảo Thông tư điều chỉnh hoạt động quản lý chuyên ngành trong nước, không có nội dung trái với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Đối với xuất khẩu, nhập khẩu giống, dự thảo tiếp tục yêu cầu tuân thủ pháp luật về kiểm dịch thực vật, đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen và điều ước quốc tế có liên quan.

2. Dự kiến nguồn lực bảo đảm thi hành Thông tư

Việc thi hành Thông tư được thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và biên chế hiện có của cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở trung ương và địa phương. Dự thảo chủ yếu hợp nhất, kế thừa, chỉnh lý quy định hiện hành, không thành lập tổ chức mới, không làm tăng biên chế và không yêu cầu đầu tư cơ sở vật chất riêng biệt.

Kinh phí tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu, kiểm tra, giám sát được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, lồng ghép trong dự toán chi thường xuyên, kinh phí chương trình, dự án lâm nghiệp và nguồn kinh phí hợp pháp khác. Chi phí của tổ chức, cá nhân chủ yếu là chi phí tuân thủ hiện có; một số sửa đổi dự kiến làm giảm chi phí hồ sơ, giao dịch và tra cứu.

3. Điều kiện bảo đảm thi hành Thông tư

- Ban hành kế hoạch phổ biến, tập huấn và tài liệu hướng dẫn ngay sau khi Thông tư được ký; tập trung vào các điểm mới về nguồn giống thuộc rừng tự nhiên, hồ sơ nguồn gốc, hộ gia đình tự sản xuất giống, xử lý thực bì, chăm sóc trong điều kiện bất lợi và nghiệm thu.

- Rà soát, công bố thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ và quy trình giải quyết tương ứng; cập nhật biểu mẫu điện tử, dịch vụ công và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Bảo đảm đội ngũ công chức, viên chức chuyên ngành lâm nghiệp được hướng dẫn thống nhất; tăng cường phối hợp giữa cơ quan lâm nghiệp, tài chính, đầu tư, chính quyền địa phương và chủ rừng.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng, sửa đổi tiêu chuẩn quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật và hướng dẫn kỹ thuật đối với từng loài cây, từng biện pháp lâm sinh làm căn cứ áp dụng thống nhất.

- Tăng cường kiểm tra việc thi hành theo hướng quản lý rủi ro; kịp thời tổng hợp vướng mắc, kiến nghị sửa đổi và hướng dẫn trong phạm vi thẩm quyền.

4. Thời gian ban hành và hiệu lực thi hành

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm dự kiến hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ trưởng ký ban hành Thông tư trước ngày 15 tháng 11 năm 2026 và đề xuất Thông tư có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, bảo đảm thời gian để công bố thủ tục hành chính, phổ biến, tập huấn và chuẩn bị điều kiện tổ chức thực hiện.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Thông tư quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và các biện pháp lâm sinh, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm kính trình Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách xem xét, cho ý kiến và ký ban hành./.

(Hồ sơ kèm theo gồm: (1) Dự thảo Thông tư; (2) Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (4) Bảng so sánh, thuyết minh dự thảo Thông tư; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và các văn bản góp ý; (6) Bản rà soát thủ tục hành chính; (7) Bản rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan; (8) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật.).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, PTR.

CỤC TRƯỞNG

Trần Quang Bảo